

Yên Thành, ngày 10 tháng 07 năm 2019

Số: 200/2019/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH – TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397; khoản 3 Điều 144; khoản 2 Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 36 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự thụ lý số 296/2019/TLST/HNGĐ ngày 04 tháng 07 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm những người yêu cầu giải quyết việc dân sự :

1. Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1996.

Nơi cư trú: Xóm M, xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

2. Anh Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1995.

Nơi cư trú: Xóm M, xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn Nh tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M ngày 17 tháng 06 năm 2015. Vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn, do tính tình vợ chồng không hợp nhau, anh Nh đã đánh đập chị D nhiều lần, dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2019 đến nay. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị D, anh Nh thuận tình ly hôn. Xét việc thuận tình ly hôn của chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn Nh được ghi trong biên bản hòa giải thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn ngày 02 tháng 07 năm 2019 của Trung tâm hòa giải - đối thoại tại Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không

trái đạo đức xã hội, phù hợp với Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình nên công nhận chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn Nh thuận tình ly hôn.

2. Về con chung:

Chị D, anh Nh có 01 con chung là cháu Nguyễn Văn Ph, sinh ngày 28 tháng 06 năm 2017.

Chị D, anh Nh đã ly thân và anh Nh đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Chị D và anh Nh thỏa thuận giao con chung Nguyễn Văn Ph cho anh Nh nuôi dưỡng đến khi thành niên. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Nguyễn Thị D. Xét thỏa thuận của chị D, anh Nh là tự nguyện và phù hợp với Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình nên công nhận việc giao con chung là cháu Nguyễn Văn Ph cho anh Nh nuôi dưỡng và tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Nguyễn Thị D.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về lệ phí :

Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn Nh thỏa thuận chị D chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng lệ phí dân sự sơ thẩm. Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chấp nhận sự thỏa thuận của chị D, anh Nh.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Quan hệ Hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn Nh thuận tình ly hôn.

- Về con chung:

Giao con chung là Nguyễn Văn Ph, sinh ngày 28 tháng 06 năm 2017 cho anh Nguyễn Văn Nh trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 07/2019 đến khi thành niên.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng cho con cho chị Nguyễn Thị D đến khi anh Nguyễn Văn Ph yêu cầu.

Chị Nguyễn Thị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn Ph có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, thay đổi người trực tiếp nuôi con trên cơ sở lợi ích của con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Chị D, anh Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về Lệ phí:

Chị Nguyễn Thị D phải chịu tiền lệ phí sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng lệ phí là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0003796 ngày 02 tháng 07 năm 2019 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Yên Thành. Chị Nguyễn Thị D đã nộp đủ lệ phí.

3. Thi hành án :

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện Yên Thành;
- Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phan Xuân Thọ